

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH KHÁNH HÒA**
Bản án số: 62/2017/DS-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hồng
2. Bà Võ Thị Diệu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 75/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Tổng Công ty P

Địa chỉ: K, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lương H - Chức vụ: Tổng giám đốc công ty P.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn B - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng bán hàng V theo Quyết định ủy quyền số: 161/QĐ-TTKD KH-THNS ngày 07/6/2017 của Giám đốc Trung tâm kinh doanh P-Khánh Hòa. (Ông B có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2017 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn VNPT trình bày:** Lê Văn T đã ký kết Hợp đồng và sử dụng dịch vụ viễn thông công nghệ thông tin với Trung tâm Kinh doanh P- Khánh Hòa, Tổng công ty P. Trong quá trình sử dụng dịch vụ ông T đã nợ số tiền 1.646.334 đồng, tiền cước sử dụng dịch vụ viễn thông công nghệ thông tin. Trung tâm Kinh doanh P-

Khánh Hòa là đại diện của Tổng công ty P tại Khánh Hòa đã nhiều lần tổ chức đòi nợ trực tiếp, thông báo nhắc nợ nhưng ông T vẫn cố tình chây lỳ không thanh toán.

Nhằm nhanh chóng thu hồi số tiền bị chiếm dụng, tránh thất thoát tài sản của Nhà nước, đồng thời tạo điều kiện để đơn vị ổn định sản xuất, phục vụ xã hội, kính đề nghị quý Tòa buộc ông T nhanh chóng thanh toán khoản nợ trên cho Tổng công ty P.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:*

- Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Tổng công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tổng công ty P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết buộc ông Lê Văn T phải trả cho P số tiền sử dụng dịch vụ viễn thông công nghệ thông tin là 1.646.334 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T nhưng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn B yêu cầu bị đơn ông T phải trả cho VNPT số tiền 1.646.334 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông số 997284 ngày 13/4/2012 giữa ông T và Trung tâm P V do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 13/4/2012, ông T có ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông số 997284 với Trung tâm P V về sử dụng dịch vụ viễn thông của Tổng Công ty P, dịch vụ FiberVNN- Gói F1 trọn gói, số thuê bao F2000115, tên truy nhập lvanthuy_ctd. Trong quá trình sử dụng dịch vụ viễn thông, ông T đã nợ tiền cước sử dụng dịch vụ viễn thông tháng 8/2016 là 836.000 đồng và tháng 9/2016 là 810.334 đồng, tổng công nợ 1.646.334 đồng. Theo Thỏa thuận cam kết cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông ngày 02/5/2012, ông T phải đảm bảo thanh toán cước sử dụng hàng tháng đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Xét thấy: Ông T đã ký kết hợp đồng nhưng không thực hiện theo điều khoản Hợp đồng, Thỏa thuận cam kết cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông ngày 02/5/2012, không thanh toán cước dịch vụ viễn thông là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông T không chấp hành, không có thiện chí đến Tòa án tham gia hòa giải. Do đó, đại diện P yêu cầu ông Thủ phải thanh toán số cước phí còn nợ cho P là có cơ sở phù hợp với khoản 2 Điều 520, khoản 3 Điều 523 và Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 520, khoản 3 Điều 523 và Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty P: Buộc ông Lê Văn T phải trả cho Tổng công ty P số tiền 1.646.334đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

2. Về án phí:

- Hoàn lại cho Tổng công ty P 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011813 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

- Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Quy định: Kể từ ngày Tổng công ty P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn T không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;
- CCTHADS t.p V;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Công